

Bản án số: 32/2021/HNGĐ - ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2021

“ V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con chung ”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN THI - TỈNH HUNG YÊN**  
**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà **Lương Thị T**
- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà **Dương Thị Thu H** – HPN xã Cẩm Ninh  
Ông **Trần Quang Ch** – Cán bộ nghỉ hưu

*Thư ký phiên toà:* Ông **Dương Mạnh H** – Thư ký Tòa án

*Đại diện VKSND huyện Ân Thi tham gia phiên toà:* Ông **Đỗ Văn T** - Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2021/TLST-HNGĐ ngày 24/5/2021 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2021/DSST - QĐXX ngày 11/8/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Hương S SN 1993**  
HKTT: Mảo Xuyên, Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên  
Nơi ở hiện nay: Lạc Thiện, Nam Thái, Nam Trực, Nam Định
- *Bị đơn:* Anh **Lê Công H SN 1990**  
Trú tại: Mảo Xuyên, Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên
- *Người có quyền lợi liên quan:* Cháu **Lê Anh Q SN 2018**
- *Người đại diện cho cháu Q:* Chị S  
Các đương sự đều có mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 24/3/2021 của chị S và các lời khai của chị S, anh H trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện như sau:

Chị Phạm Hương S và anh Lê Công H lấy nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên vào năm 2017. Trong quá trình chung sống với nhau vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nảy sinh, theo chị S trình bày thì nguyên nhân xuất phát từ thời gian chị mang thai, chị thay đổi tính nết thường xuyên cáu gắt, khó chịu. Mặt khác, do anh H là người lưỡng tính, anh thích cả nam lẫn nữ dẫn đến vợ chồng luôn căng thẳng, thường xuyên to tiếng, cãi nhau ảnh hưởng rất lớn đến quan hệ vợ chồng. Tháng 08/2020 vợ chồng bắt đầu sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ, việc ai người đó làm, không ai quan tâm, trách nhiệm gì đến ai. Nay chị xác định không còn tình cảm, không thể níu kéo được nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Còn theo anh H trình bày thì nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu từ khi chị S mang thai và có nhiều thay đổi

về tính cách, thường xuyên cáu gắt vô cớ, ít quan tâm đến công việc của anh, việc anh quản lý nhân viên, quan tâm đến nhân viên của mình thì chị S lại cho rằng anh là người đồng tính, để giảm bớt áp lực trong cuộc sống anh cũng đã nhiều lần trực tiếp nói chuyện để chị S hiểu, thông cảm nhưng không có kết quả. Thời gian gần đây, anh nhận thấy chị S tỏ thái độ khinh thường, thiếu tôn trọng anh, tình cảm vợ chồng vốn đã lạnh nhạt nay càng lạnh nhạt hơn, hai bên bằng mặt nhưng không bằng lòng và từ năm 2021 chính thức sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Bản thân anh xác định cũng không còn tình cảm nên anh nhất trí ly hôn với chị S.

Về con chung: Chị S và anh H có 01 con chung Lê Anh QSN 2018. Hai bên đều có nguyện vọng nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị S, anh H không yêu cầu giải quyết.

Đại diện gia đình anh H trình bày: Chị S, anh H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Nguyễn Trãi theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi chị S sinh con thì mẹ anh H đã lên ở cùng vợ chồng chị S để chăm sóc cho cháu. Trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày đã chứng kiến nhiều va chạm, mâu thuẫn của vợ chồng chị S, nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ kinh tế, lời ăn tiếng nói đối với nhau không tốt, thiếu tôn trọng nhau đã làm cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, chị S cũng đã nhiều lần nói với gia đình về việc anh H đồng tính, gia đình đã phân tích nhưng chị S không nghe, từ cuối năm 2020 đến nay vợ chồng chị S không ở cùng nhau, bản thân chị S cũng không làm tròn trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng chị S có 01 con chung Lê Anh Q SN 2018, cháu Q hiện đang sinh sống cùng anh H và ông bà nội.

Đại diện gia đình chị S trình bày: Chị S và anh H lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại quê anh H vào năm 2017. Sau khi lấy nhau gia đình không ai ở cùng vợ chồng chị S nên cũng không biết được những mâu thuẫn gì, khoảng từ tháng 10/2020, gia đình thấy chị S người gầy gò, mệt mỏi, gia đình hỏi thì chị S mới nói là cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nhiều lần bắt gặp anh H nhắn tin tình cảm cho người cùng giới, gia đình cũng đã gọi điện cho anh H để hỏi, khuyên bảo nhằm mục đích cứu vãn tình thế và anh H có xin lỗi, tét vừa rồi gia đình không thấy anh H về, vợ chồng mỗi người một nơi, không ăn ở cùng nhau nên việc đoàn tụ là điều rất khó. Vợ chồng chị S có 01 con chung Lê Anh Q SN 2018, cháu Q hiện đang sinh sống cùng anh H.

Biên bản xác minh với chính quyền địa phương xã Nguyễn Trãi thể hiện: Chị S và anh H có đăng ký kết hôn tại địa phương vào năm 2017, hôn nhân là hợp pháp, trong cuộc sống vợ chồng chị S, anh H có mâu thuẫn gì nảy sinh hay không thì địa phương không nắm được. Vợ chồng chị S có 01 con chung Lê Anh Q, sinh ngày 11/10/2018, cháu Q hiện đang sinh sống cùng anh H và ông bà nội.

Tại phiên tòa: Chị S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh H và được nuôi con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Còn quan điểm của anh H nhất trí ly hôn và anh cũng có nguyện vọng được nuôi con chung, không yêu cầu chị S cấp dưỡng.

### **Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS, nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81,82,83,84 Luật hôn nhân và gia đình

Về tình trạng hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S.

Về con chung: Giao cháu Lê Anh Q, sinh ngày 11/10/2018 cho chị S nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị S. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

Về án phí: Chị S phải chịu án phí DSST theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày, tranh luận của các đương sự và phát biểu của KSV tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

Về thẩm quyền: Chị Phạm Hương S có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Lê Công H. Tòa án xác định đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn trong vụ án là anh Lê Công H cư trú tại Mào Xuyên, Nguyễn Trãi, Ân Thi, Hưng Yên nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Ân Thi thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định.

Về việc kết hôn của chị S, anh H: Chị S, anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Trãi vào năm 2017, việc kết hôn của anh chị đảm bảo các quy định của pháp luật. Do vậy hôn nhân của chị S, anh H là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị S xin ly hôn anh H sẽ áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Quá trình chung sống với nhau đến năm 2018 vợ chồng chị S, anh H phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc chị S sinh con thay đổi tính nết, một phần nữa cũng do chị S nghi ngờ anh H có quan hệ đồng giới, anh H thì cho đó là do công việc của anh nhưng bản thân anh H cũng không giải thích rõ cho chị S hiểu, dẫn tới vợ chồng không còn tin tưởng và tôn trọng nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, sự quan tâm, yêu thương cũng như trách nhiệm đối với nhau ngày càng ít đi, hai bên không còn chung sống cùng nhau từ năm 2021 cho đến nay, công việc, cuộc sống của ai người đó tự lo. Nay chị S xin ly hôn, anh H nhất trí điều đó thể hiện cuộc sống hôn nhân của chị S, anh H không có hạnh phúc, mâu thuẫn tồn tại đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hai bên không còn muốn quay về với nhau nữa. Mâu thuẫn chị S, anh H trình bày phù

hợp với lời khai của đại diện hai bên gia đình. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị S là phù hợp với thực tế cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng ly hôn, chị S, anh H đều mong muốn được nuôi con chung thể hiện được tình cảm, trách nhiệm của bố, mẹ đối với con chưa thành niên. Tuy nhiên việc giao con chung cho bên nào nuôi dưỡng pH xem xét đến điều kiện, hoàn cảnh của từng bên. Về điều kiện cũng như mức thu nhập hàng tháng thì chị S, anh H đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Tuy nhiên cháu Q hiện vẫn còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, cần giao cháu Q cho chị S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo điều kiện nuôi dưỡng tốt nhất để cháu phát triển bình thường. Chị S không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị nên cần chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị S pH chịu án phí STDS theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81;82;83 của Luật HNGĐ; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

**1. Về quan hệ vợ chồng:** Xử cho chị Phạm Hương S được ly hôn anh Lê Công H.

**2. Về con chung:** Giao con chung Lê Anh Q sinh ngày 11/10/2018 cho chị S nuôi dưỡng đến tuổi thành niên. Anh H không pH cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho chị S. Anh H có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

**3. Về tài sản chung, công nợ, công sức:** Không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí:** Chị S pH chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị S đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000788 ngày 24/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị S đã nộp đủ án phí.

**4. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

#### Nơi nhận

- VKS huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND Nguyễn Trãi;
- THA;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Lương Thị T**

